

Bản án số: 158/2020/HNGĐ-ST

Ngày 01-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Hoài Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp HT, xã HT, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Danh Văn Lu, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp TH, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Phạm Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh chị chung sống với nhau năm 2007 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh L không quan tâm lo lắng cho vợ con, thường xuyên nhậu và có đánh chị. Anh chị đã ly thân hơn một năm. Chị L yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Danh Thị Phương T, sinh ngày 11/6/2008 và Danh Thị Tuyết N, sinh ngày 07/01/2019. Hiện tại hai cháu đang sống với anh L. Khi ly hôn chị L đồng ý giao cháu T và cháu N cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

*Anh Danh Văn Lu trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, việc chung sống là tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến khi có cháu thứ hai thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh có đánh chị L. Anh không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị L trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh Lu chung sống với nhau vào năm 2007 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Lu.

[2] Về con chung: Xét thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay, hai cháu sống chung với anh Lu, vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Theo biên bản ghi nguyện vọng con chung ngày 15/6/2020 cháu T có nguyện vọng sống chung với anh Lu. Chị L và anh Lu đều thống nhất giao cháu T và cháu N cho anh Lu tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu T và cháu N cho anh Lu tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh Lu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về nợ chung: Chị L và anh Lu xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị L và anh Danh Văn Lu là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Thị Phương T, sinh ngày 11/6/2008 và cháu Danh Thị Tuyết N, sinh ngày 07/01/2019 cho anh Danh Văn Lu tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Phạm Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010664 ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phạm Thị L và anh Danh Văn Lu có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trọng**